

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/DS-ST

Ngày: 13-3-2023

“V/v trA chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Phụng
Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 về trA chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng hoặc ACB). Địa chỉ trụ sở: Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L. Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ Ngân hàng TMCP A. Địa chỉ trụ sở: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05/7/2022).

Người đại diện hợp pháp của ông L: Ông Mai Nhật A. Chức vụ: Nhân viên. Địa chỉ liên lạc: Phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long (văn bản ủy quyền số 1719 ngày 12/8/2022 - có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn ThA H, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Phường N, thành phố V, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Tr, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Phường L, thành phố V, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: **A Dương Văn Phúc E**. Nơi cư trú: Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ sinh sống hiện nay: xã L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 29/7/2022) (có mặt).

- Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:

1. **A Dương Văn Phúc E**. Nơi cư trú: Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ sinh sống hiện nay: xã L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1962 (là mẹ vợ của A E – xin vắng mặt).

3. Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1984 (là vợ của A E – có mặt).

4. **Dương Gia B**, sinh ngày 06/11/2011 (con của A E, chị H1) (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Dương Gia B: A Dương Văn Phúc E (cha ruột Gia B) và chị Nguyễn Thị H1 (mẹ ruột Gia B) (có mặt).

Cùng địa chỉ: xã L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2022 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng hoặc ACB) do ông Mai Nhật A là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 20/5/2020, Ngân hàng xác lập với ông Nguyễn ThA H và bà Nguyễn Thị Xuân Tr hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.2721.190520, mức cấp tín dụng 290.000.000đ; mục đích cho vay: Mua sắm Tr thiết bị, vật dụng trong gia đình; thời hạn vay: 120 tháng (từ ngày 22/5/2020 đến 21/5/2030); khế ước nhận nợ ngày 21/5/2020, số tiền được chuyển khoản qua tài khoản thA toán của ông H số 12585167 tại ACB.

Cùng ngày ACB còn cấp tín dụng cho ông Nguyễn ThA H số tiền 15.000.000đ. Căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông H ngày 20/5/2020; bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB; các văn bản khác của ông H ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng. Số thẻ: 9704-16xx-xxxx-1871, loại thẻ: Express Credit (Thẻ tín dụng nội địa), ngày cấp 22/5/2020, hiệu lực thẻ: 05/2022.

Hai khoản vay trên được B đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số VIL.BĐCN.387.190520 ngày 20/5/2020, tài sản thế chấp là thửa đất số R, tờ bản đồ số 4, của ông H và bà Tr, tọa lạc tại ấp Phước Ngươn B, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng công chứng Tạ Thị Thật và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H ngày 21/5/2020; bị đơn cũng ký cam kết thế chấp tài sản cho Ngân hàng ngày 20/5/2020. Ngân hàng đã tiến hành thẩm định tài sản theo quy định của pháp luật,

nhưng Ngân hàng không nộp cho Tòa án hồ sơ thẩm định được vì đây là thông tin nội bộ của Ngân hàng, không liên quan đến hợp đồng tín dụng.

Quy định ông H và bà Tr phải trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng (gốc 2.417.000đ/tháng; kỳ cuối là 2.377.000đ), lãi theo lãi suất giảm dần (thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng và khế ước nhận nợ).

Ông H và bà Tr trả nợ gốc và lãi đến tháng 9/2021 thì ngưng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ACB được quyền thu hồi nợ trước hạn. Ngày 01/12/2021, ACB ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay 290.000.000đ.

Ngày 11/01/2021, ACB đã chuyển khoản nợ thẻ tín dụng sang nợ quá hạn. Ngày 01/12/2021, ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên. Lãi nợ quá hạn là 37.5%/năm (3,125%/tháng).

Tính đến ngày 13/3/2023, bị đơn còn nợ ACB:

- Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.2721.190520: Tổng nợ: 282.064.160đ (nợ gốc: 228.911.000đ; lãi trong hạn: 6.997.129đ; lãi quá hạn: 43.737.676đ, phạt chậm trả lãi: 2.418.355đ).

- Khoản nợ thẻ tín dụng: Tổng nợ: 25.821.926đ (nợ gốc: 15.402.042đ; lãi quá hạn: 10.419.884đ).

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long buộc ông H và bà Tr phải liên đới trả nguyên đơn tổng cộng 307.886.086đ như liệt kê trên cho đến khi thA toán hết nợ. Nếu ông H và bà Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2022 và quá trình xét xử, ông Dương Văn Phúc E là người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn ThA H và Nguyễn Thị Xuân Tr trình bày:

A E đại diện cho bị đơn thống nhất ông H và bà Tr có ký với Ngân hàng hai hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và thống nhất còn nợ Ngân hàng tiền gốc và lãi tính đến ngày 13/3/2023 như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bị đơn đồng ý trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng nhưng xin được trả dần.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan A Dương Văn Phúc E trình bày:

Do cần vốn làm ăn, A E có vay của ông H 250.000.000đ nhưng không nhớ thời gian cụ thể, lãi suất 4%/tháng = 50.000.000đ. Tổng cộng gốc, lãi là 300.000.000đ. Do không đóng lãi đầy đủ nên ông H đề nghị ra Phòng công chứng Ngọc Dung, tại Phường 1, thành phố Vĩnh Long ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

của thửa đất số R, tờ bản đồ số 4 do Dương Văn Phúc E đứng tên giấy chứng nhận sang tên ông H để đảm B nợ vay. Chỉ một mình A E ký hợp đồng chuyển nhượng với ông H, chị H1 – vợ A không ký tên cũng không biết A vay tiền của ông H, đến khi Ngân hàng khởi kiện chị H1 mới biết. A không có giữ hợp đồng vay tiền hay biên nhận gì cả mà do ông H giữ. Mục đích A vay tiền để làm ăn nhưng do làm ăn thua lỗ, nên không có tiền trả ông H.

Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chỉnh lý Tr 3 ghi chuyển nhượng cho Nguyễn ThA H. Ông H và bà Tr vợ ông H thỏa thuận với A: Ông H, bà Tr sẽ thế chấp thửa đất số R, tờ bản đồ số 4 để vay tiền của Ngân hàng TMCP A khoản vay bằng với khoản nợ A E còn thiếu ông H, A Phúc E đồng ý, nên ông H đã ký với Ngân hàng các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp như khởi kiện của Ngân hàng. Tổng số tiền Ngân hàng giải ngân và giao cho ông H là 305.000.000đ. Vợ chồng A Phúc E là người thA toán hai khoản tiền do ông H và bà Tr vay của Ngân hàng. A Phúc E đồng ý trả nợ cho ngân hàng để được giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu ông H, bà Tr sang tên trả lại thửa đất số R, tờ bản đồ số 4 cho A E. Vì A đã trả đủ 300.000.000đ cho ông H từ nguồn tiền vay của ACB như trình bày trên.

Từ trước đến nay thửa đất R gia đình A vẫn quản lý sử dụng, không giao cho ông H, bà Tr. Trên thửa đất số R có căn nhà cấp 4 do A xuất tiền ra cất, cất trước khi vay tiền của ông H. Hiện nay có mẹ vợ tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1962 và con trai ruột của tôi tên Dương Gia B, sinh năm 2011 cùng sinh sống trên nhà đất này, thuộc địa chỉ: xã L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, không còn ai sinh sống trên nhà đất này. Ngân hàng có đến thẩm định tài sản khi cho ông H và bà Tr vay tiền, có gặp A, A đồng ý cho thẩm định. A E xác định A không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc T trình bày ý kiến tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2022: Bà là mẹ vợ của A Phúc E. Hiện bà đang ở trên căn nhà xây dựng trên thửa đất 666, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp Phước Ngươn B, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nhưng không có đăng ký hộ khẩu thường trú hay tạm trú tại đây cũng không có công sức đóng góp gì vào nhà, đất này. Bà không có liên quan gì đến số tiền bị đơn vay của Ngân hàng; đồng thời bà T có Đơn xin vắng mặt đề ngày 05/12/2022, bà xin được vắng mặt tại các phiên tòa, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/01/2023, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị là vợ của A Phúc E. Chị thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu trên của A Phúc E. Nhà đất là tài sản của vợ chồng chị có được do

nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân, trên đất vợ chồng chị có cất nhà kho, khoản năm 2020 A E xây dựng thêm 01 căn nhà cấp 4 như ghi nhận tại Biên bản xE xét thẩm định tại chỗ ngày 05/12/2022. Nhà, đất từ trước đến nay vẫn do vợ chồng chị quản lý, sử dụng, ông H, bà Tr hoàn toàn không quản lý, sử dụng. Chị xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án này và xin được vắng mặt khi Tòa án mời làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm. Vì chị bận nhiều việc.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/3/2023, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan Dương Gia B trình bày:

Gia B là con của Dương Văn Phúc E và Nguyễn Thị H1. Căn nhà gắn liền trên thửa đất số R, tờ bản đồ số 4 có căn nhà cấp 4 do cha ruột tên Dương Văn Phúc E xây dựng. Cháu hiện đang học lớp 6, hằng ngày do cha và mẹ lo cho ăn, học và sinh hoạt, cháu không có đóng góp gì vào việc tạo lập nhà đất thửa đất số R, tờ bản đồ số 4, cháu cũng không biết gì việc về vay mượn tiền của cha mẹ cháu. Cháu yêu cầu Tòa án không mời cháu tham gia làm người có quyền L và nghĩa vụ liên quan vì cháu không có liên quan gì trong vụ án này. Hằng ngày cháu cùng bà Ngoại tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1962 sinh sống trên nhà đất này, thuộc địa chỉ: xã L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Mai Nhật A là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà Tr phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 13/3/2023 như nêu trên, không đồng ý cho bị đơn trả dần; ông H, bà Tr phải chịu toàn bộ án phí, chi phí tố tụng khác.

A Dương Văn Phúc E là người đại diện hợp pháp của bị đơn: Thống nhất các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý trả toàn bộ nợ gốc, lãi tính đến ngày 13/3/2023 như nêu trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 20.000.000đ cho đến khi thA toán xong nợ cho nguyên đơn; Đồng thời A E là người có quyền L nghĩa vụ liên quan và là người đại diện hợp pháp của Dương Gia B: Vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

Chị Nguyễn Thị H1 thống nhất ý kiến của A Phúc E, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long P biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 317, 320, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Nguyễn ThA H và bà Nguyễn Thị ThA Tr phải liên đới trả Ngân hàng TMCP A số tiền 307.886.086đ (nợ gốc: 244.313.042đ; lãi trong hạn: 6.997.129đ; lãi quá hạn: 54.157.560đ, phạt chậm trả lãi: 2.418.355đ).

Trường hợp ông H và bà Tr không thực hiện nghĩa vụ thA toán nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số VIL.BĐCN.387.190520 ngày 20/5/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A với ông H và bà Tr để thu hồi nợ; Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông H và bà Tr phải nộp án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xE xét tại phiên tòa, kết quả trA tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng khởi kiện ông H và bà Tr về trA chấp hợp đồng vay tài sản vì cho rằng quyền và L ích của Ngân hàng bị xâm phạm là có quyền khởi kiện; bị đơn cư trú tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long; người có quyền L và nghĩa vụ liên quan bà T có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt đương sự trên. Vì vậy thủ tục tố tụng trong vụ án đảm B quy định tại các Điều 30, 35, 39, 186, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.2721.190520, ngày 20/5/2020 giữa Ngân hàng với ông H và bà Tr được xác lập là tự nguyện, công khai, phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, mức cấp tín dụng là 290.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông H nhận bằng hình thức chuyển khoản theo Khế ước nhận nợ ngày 21/5/2020. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Tòa án thu thập và lời thừa nhận nợ của A Phúc E là người đại diện hợp pháp của ông H, bà Tr nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông H, bà Tr liên đới trả

Ngân hàng nợ gốc và lãi P sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.2721.190520, ngày 20/5/2020 tính đến ngày 13/3/2023 tổng cộng 282.064.160đ (nợ gốc: 228.911.000đ; lãi trong hạn: 6.997.129đ; lãi quá hạn: 43.737.676đ, phạt chậm trả lãi: 2.418.355đ).

[2.2] Ngoài ra, ông Nguyễn ThA H còn xác lập với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20/5/2020, kèm theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB; Số thẻ: 9704-16xx-xxxx-1871, loại thẻ: Express Credit (Thẻ tín dụng nội địa), số tiền được cấp 15.000.000đ. Mặc dù, các nhân ông H ký vay của Ngân hàng, bà Tr không ký tên nhưng bà Tr biết rõ về khoản vay 15.000.000đ này vì Khoản vay này cũng được B đảm bằng Hợp đồng thế chấp ngày 20/5/2020 được ký kết giữa ông H, bà Tr với Ngân hàng. Ông H đã vi phạm nghĩa vụ thA toán. Người đại diện của ông H thống nhất nội dung và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về khoản nợ này, nên buộc bà Tr phải liên đới cùng ông H thA toán nợ gốc và lãi P sinh theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tính đến ngày 13/3/2023 tổng cộng 25.821.926đ (nợ gốc: 15.402.042đ; lãi quá hạn: 10.419.884đ) là có căn cứ.

Ông H và bà Tr phải tiếp tục trả lãi P sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.2721.190520, ngày 20/5/2020 và theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20/5/2020 kèm theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB; Số thẻ: 9704-16xx-xxxx-1871 trên nợ gốc chưa thA toán cho đến khi thA toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thA toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Hợp đồng thế chấp ngày 20/5/2020 ký kết giữa ông H, bà Tr với Ngân hàng là hợp pháp. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số R, tờ bản đồ số 4, diện tích 349,90m² tọa lạc tại ấp Phước Ngươn B, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Tr 3 ghi chuyển nhượng cho Nguyễn ThA H và được đăng ký giao dịch B đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Long Hồ là đúng quy định tại Điều 167 và 188 của Luật Đất đai năm 2013, nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số VIL.BĐCN.387.190520 ngày 20/5/2020 có hiệu lực pháp luật. Tài sản thế chấp nêu trên được B đảm cho khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.2721.190520, ngày 20/5/2020 và Thẻ tín dụng, số thẻ: 9704-16xx-xxxx-1871. Trường hợp, ông H, bà Tr không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự thực hiện các biện pháp xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

được ký kết giữa Ngân hàng với ông H, bà Tr để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 và 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông H và bà Tr phải nộp 400.000đ chi phí xét thẩm định tại chỗ để hoàn trả Ngân hàng TMCP A đã tạm ứng.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Ông H và bà Tr phải liên đới nộp 15.394.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể (cách tính: 307.886.086đ x 5%).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp, do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Như phân tích trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 317, 320, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

1.1. Buộc ông Nguyễn ThA H và bà Nguyễn Thị Xuân Tr phải liên đới trả Ngân hàng TMCP A nợ vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.2721.190520, ngày 20/5/2020 tính đến ngày 13/3/2023, tổng cộng 282.064.160đ (hai trăm tám mươi hai triệu, không trăm sáu mươi bốn ngàn, một trăm sáu mươi đồng). (Trong đó: Nợ gốc: 228.911.000đ (hai trăm hai mươi tám triệu, chín trăm mười một ngàn đồng); lãi trong hạn: 6.997.129đ (sáu triệu, chín trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm hai mươi chín đồng); lãi quá hạn: 43.737.676đ (bốn mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng), phạt chậm trả lãi: 2.418.355đ (hai triệu, bốn trăm mười tám ngàn, ba trăm năm mươi lăm đồng)).

1.2. Buộc ông Nguyễn ThA H và bà Nguyễn Thị Xuân Tr phải liên đới trả Ngân hàng TMCP A tính đến ngày 13/3/2023 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20/5/2020 kèm theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB; Số thẻ: 9704-16xx-xxxx-1871, loại thẻ: Express Credit (Thẻ tín dụng nội địa) tổng số tiền 25.821.926đ (Hai mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi một ngàn, chín trăm hai mươi sáu đồng). (Trong đó: Nợ gốc: 15.402.042đ (mười lăm triệu, bốn trăm lẻ hai

ngàn, không trăm bốn mươi hai đồng); lãi quá hạn: 10.419.884đ (mười triệu, bốn trăm mười chín ngàn, tám trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn ThA H và bà Nguyễn Thị Xuân Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng số VIL.CN.2721.190520, ngày 20/5/2020 và theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20/5/2020 kèm theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB; Số thẻ: 9704-16xx-xxxx-1871, loại thẻ: Express Credit (Thẻ tín dụng nội địa) của số tiền nợ gốc chưa thA toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thA toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thA toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông H, bà Tr không thực hiện nghĩa vụ thA toán nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp được nêu theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số VIL.BĐCN.387.190520 ngày 20/5/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A với ông H và bà Tr để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Nguyễn ThA H và Nguyễn Thị Xuân Tr phải nộp 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng) tiền chi phí xE xét thẩm định tại chỗ để hoàn trả Ngân hàng TMCP A đã tạm ứng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.657.000đ (sáu triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001335 ngày 04/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Buộc ông Nguyễn ThA H và bà Nguyễn Thị Xuân Tr phải liên đới nộp 15.394.000đ (mười lăm triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

